TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2023/DS-PT
Ngày 30-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 404/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 403/2023/QĐPT-DS ngày 09/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ A, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Hồ Thị Mỹ L1, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ G, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B theo Lệnh tam giam số 427 ngày 18/8/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ G, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị H: Ông Phùng Văn H1, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 22/11/2023); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Diệu H2, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ E, khu phố E, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ C, khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L1, bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà L, bà Hồ Thị Mỹ L1 là chị em bạn bè, quen biết nhau khoảng năm 2020; bà Trần Thị H là mẹ của bà L1; bà L và bà Nguyễn Thị Diệu H2 không có quan hệ gì với nhau.

Ngày 26/12/2020, bà L1 hỏi vay bà L khoảng 200.000.000 đồng để lấy hàng mỹ phẩm. Do bà L không có tiền, bà L1 hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L và tìm người nhận thế chấp để vay 200.000.000 đồng. Vì tình cảm chị em, bà L có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS20213 ngày 29/10/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà L (viết tắt giấy chứng nhận) cho bà L1 mượn trong hai tuần (không có giấy tờ). Sau đó, bà L1 đưa giấy chứng nhận của bà L cho bà H2 giữ để vay số tiền 700.000.000 đồng. Bà L không biết bà L1 vay bà H2 số tiền lớn như vậy.

Quá thời hạn hai tuần, đến ngày 15/3/2021, bà L đến nhà bà L1 đòi lại giấy chứng nhận; khi đó bà H2 cũng có mặt tại nhà bà L1 để đòi lại số tiền nợ 700.000.000 đồng, bà L1 nói không có tiền. Lúc này, bà L1 đề nghị bà L trả cho bà H2 số tiền 700.000.000 đồng bà L1 đã vay, bà L1 hứa hai tháng sẽ thanh toán đủ lại cho bà L, bà L đồng ý. Các bên có viết Giấy vay tiền ngày 15/3/2021 có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà L, bà L1, bà H và bà H2, nội dung: Bà L1 có vay của bà L 700.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận đã thế chấp cho bà H2, không lãi suất. Phương thức trả nợ được thỏa thuận: Hai tháng trả 300.000.000 đồng, hai tháng sau trả 200.000.000 đồng, một tháng sau trả 200.000.000 đồng, có sớm thanh toán sớm. Cùng với người bảo lãnh là mẹ của bà L1 là bà H, bà L1 cam kết nếu như bà L1 không trả đủ số nợ trên thì bà H trả phụ bà L1 số tiền trên cho bà L, người làm chứng là bà H2. Trong Giấy vay tiền ngày 15/3/2021 còn có nội dung bị gạch chéo, lý do bà L phát hiện bà L1 giả chữ ký bà H nên bà L không đồng ý, yêu cầu bà L1 xóa và mời bà H ký trực tiếp vào giấy vay tiền với nội dung bảo lãnh do bà L1 cam kết như trên.

Đến hạn trả nợ ngày 15/5/2021, bà L liên hệ bà L1 để đòi nợ thì bà L1 và bà H đều nói không có tiền trả. Thời điểm đó dịch bệnh Covid-19 nên việc đi lại khó khăn, bà L cũng đã liên hệ bà L1 và bà H nhiều lần. Đến khoảng cuối tháng 10 năm 2022, bà L1 bị Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương bắt tạm giam, bà H

thì nói không có tiền để trả nợ. Hiện nay, bà L1 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B để điều tra, truy tố về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản, làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Việc bà L nhận nợ 700.000.000 đồng với bà H2, đến nay bà L đã trả cho bà H2 250.000.000 đồng; bà L và bà H2 không tranh chấp số nợ còn lại trong vụ án này.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 16/5/2023 và quá trình tố tụng, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà L1 phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 01%/tháng, tính từ ngày 15/3/2021 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến ngày 15/4/2023 là 25 tháng với số tiền 175.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi mà bà L1 phải trả cho bà L tạm tính đến ngày 15/4/2023 là 875.000.000 đồng. Trong trường hợp bà L1 không có khả năng trả thì buộc bà H trả cho bà L 875.000.000 đồng (do bà H ký bảo lãnh theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2021).

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L1 phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và yêu cầu về tiền lãi như sau: Mức lãi suất 0,83%/tháng; thời điểm tính lãi từ ngày chậm trả là ngày 15/5/2021 đến thời điểm xét xử (ngày 15/9/2023) là 28 tháng, số tiền 162.680.000 đồng; tổng số tiền gốc và lãi mà bà L1 phải trả cho bà L là 862.680.000 đồng. Trong trường hợp bà L1 không trả đủ số tiền nợ cho bà L thì buộc bà H trả cho bà L toàn bộ số nợ 862.680.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán ít hơn yêu cầu khởi kiện là 175.000.000 đồng - 162.680.000 đồng = 12.320.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L1 trình bày:

Bà H là mẹ của bà L1.

Ngày 26/12/2020, bà L1 có mượn giấy chứng nhận của bà L giao cho bà H2 giữ để vay 700.000.000 đồng, giữa bà L1 và bà H2 không làm giấy tờ. Tuy nhiên, theo Giấy vay tiền ngày 26/12/2020, bà L là người thế chấp giấy chứng nhận của bà L cho bà H2 để vay 700.000.000 đồng; thực tế 700.000.000 đồng do bà L1 nhận. Sự việc này, bà H không biết, mục đích vay để lấy hàng mỹ phẩm; thời hạn vay là 15 ngày.

Đến hạn trả nợ, do bà L1 chưa có tiền trả nợ cho bà H2 để lấy giấy chứng nhận trả cho bà L. Ngày 15/3/2021, bà L và bà H2 đến nhà bà L1 để đòi nợ và đòi giấy chứng nhận. Các bên lập Giấy vay tiền ngày 15/3/2021 do bà L1 viết, có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà L, bà L1, bà H và bà H2, mục đích lập giấy vay tiền này để bà L1 nhận nợ bà L 700.000.000 đồng, còn bà L nhận nợ bà H2 700.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng một tuần là 48.000.000 đồng,

chia làm ba bà L1, bà L và bà H2. Bà L1 đã trả cho bà L trên 70.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản cho bà L.

Nội dung trong Giấy vay tiền ngày 15/3/2021, phía trên chữ ký của bà H: "Tôi cam kết nếu như tôi không trả đủ số tiền trên thì mẹ tôi sẽ là người trả phụ tôi số tiền trên" do bà L1 viết, bà H ký mang ý nghĩa là người làm chứng, không phải bảo lãnh cho bà L1, bà L1 nói bà H ký chứ bà H không đọc.

Nội dung gạch chéo trong Giấy vay tiền ngày 15/3/2021: Khi đó bà L1 mang vào phòng cho bà H ký, bà H nói bà L1 ký, bà H làm chứng cho, khi nào bà H có tiền bà H cho thêm để trả cho bà L từ từ nên bà L1 ký tên của bà H. Bà L không đồng ý nên yêu cầu bà L1 viết lại và bà H ký trực tiếp vào giấy vay tiền với nội dung như trên.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà L, ý kiến bà L1 như sau: Bà L1 thừa nhận nợ bà L 700.000.000 đồng và đồng ý trả nợ gốc 700.000.000 đồng cho bà L và xin bà L miễn tiền lãi. Bà H không có trách nhiệm trả nợ cho bà L thay bà L1 vì bà H chỉ là người làm chứng, không phải là người bảo lãnh, bà H không liên quan gì đến khoản nợ 700.000.000 đồng của bà L1 với bà L. Bà L1 không tranh chấp các khoản tiền lãi đã trả, không yêu cầu sao kê tài khoản của bà L.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà H là mẹ của bà L1. Bà H không quen biết bà L và bà H2. Bà H không biết ngày 26/12/2020, bà L1 mượn giấy chứng nhận của bà L giao cho bà H2 giữ để vay 700.000.000 đồng. Việc bà L1 làm ăn và vay mượn nợ ai ở ngoài, bà H không biết.

Khoảng chiều tối ngày 15/3/2021, bà L, bà H2 đến nhà bà H gặp bà L1 để đòi giấy chứng nhận và tiền nợ. Khoảng 21 giờ đến 22 giờ cùng ngày, khi đó bà H đã vào ngủ, bà L1 vào năn nỉ bà H ký giấy nhận nợ cho bà L thì bà L mới về. Bà H nghĩ chỉ ký với tư cách người làm chứng và vì thương con nên bà H đồng ý ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào Giấy vay tiền ngày 15/3/2021. Khi đó, bà L1 chỉ chỗ nào thì bà H ký chỗ đấy, bà H không đọc lại nội dung. Ngày 15/3/2021 chỉ là ký giấy nhận nợ, không có giao nhận tiền. Khi ký giấy vay tiền, bà H hoàn toàn minh mẫn, bà H biết đọc, biết viết.

Nội dung trong giấy vay tiền, phía trên chữ ký của bà H: "Tôi cam kết nếu như tôi không trả đủ số tiền trên thì mẹ tôi sẽ là người trả phụ tôi số tiền trên": khi ký bà H không có đọc nội dung này. Sau khi ký, bà H có nói với bà L1 là bà H ký cho bà L đi về, còn trách nhiệm trả nợ là của bà L1. Tấm hình do bà L nộp cho Tòa án ngày 22/6/2023, chính là bà H đang ký tên trong Giấy vay tiền ngày 15/3/2021.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà L, bà H không đồng ý. Nếu bà L1 không có khả năng trả nợ cho bà L, bà H không đồng ý trả thay.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2023, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu H2 trình bày:

Bà H2 và bà L1 là bạn bè học chung cấp 3.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/12/2020, bà L1 đến nhà bà H2 hỏi vay 700.000.000 đồng để lấy hàng mỹ phẩm dịp cuối năm, bà H2 đồng ý. Bà L1 giao cho bà H2 bản chính giấy chứng nhận để làm tin. Sau đó, bà H2 giao tiền mặt cho bà L1 400.000.000 đồng, số tiền còn lại 300.000.000 đồng thì bà H2 chuyển khoản cho bà L1 trưa ngày 26/12/2020. Giữa bà H2 và bà L1 không làm giấy tờ vay tiền, nhưng bà L1 có đưa cho bà H2 bản chính Giấy vay tiền ngày 26/12/2020 do bà L viết sẵn, nội dung bà L là người vay tiền của bà H2 có thế chấp giấy chứng nhận; còn thông tin về người cho vay và số tiền vay là chữ viết của bà H2, bà H2 trực tiếp ghi vào sau khi đã giao số tiền 700.000.000 đồng cho bà L1. Bà H2 và bà L1 thỏa thuận, thời hạn vay là 15 ngày (như trong Giấy vay tiền ngày 26/12/2020 do bà L viết); về lãi suất bà H2 và bà L1 thỏa thuận miệng 03%/tháng, tức là 21.000.000 đồng/tháng, 10.500.000 đồng/nửa tháng.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, đến hạn thanh toán, bà L1 không trả nợ gốc và lãi cho bà H2 như thỏa thuận. Bà H2 có liên hệ với bà L1 nhiều lần nhưng bà L1 không trả nợ. Lúc này, bà H2 biết bà L1 sắp vỡ nợ, nhưng chưa biết bà L1 còn làm giấy chứng nhận giả để lừa đảo.

Khoảng cuối tháng 02 năm 2021, bà L nhiều lần liên hệ bà H2 để đòi lại giấy chứng nhận của bà L. Bà H2 nói khi nào bà L1 trả hết nợ cho bà H2 thì bà H2 mới trả giấy chứng nhận cho bà L.

Đến ngày 15/3/2021, bà H2 và bà L đến nhà bà L1, mục đích để bà H2 làm chứng là bà L1 có giao giấy chứng nhận của bà L cho bà H2 để vay 700.000.000 đồng và để đòi số tiền nợ này từ bà L1, còn bà L1 viết giấy nợ 700.000.000 đồng với bà L. Thời điểm đó, do bà L1 chưa có tiền trả nợ nên các bên cùng lập Giấy vay tiền ngày 15/3/2021. Bà H2 đồng ý bà L1 và bà H có trách nhiệm trả bà L 700.000.000 đồng, bà L có trách nhiệm trả cho bà H2 700.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 15/3/2021 có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà L, bà L1, bà H và bà H2.

Khoảng tháng 5 năm 2021, bà L có trả cho bà H2 250.000.000 đồng, số nợ còn lại là 450.000.000 đồng.

Bà H2 thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà L1 và bà H và không có ý kiến. Việc bà L còn nợ bà H2 450.000.000 đồng và bà H2 còn giữ giấy chứng nhận của bà L, bà H2 và bà L tự thỏa thuận với nhau, bà H2 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người làm chứng bà Phạm Thị Ngọc N trình bày:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/3/2021, bà N, bà L có đến nhà bà L1 để yêu cầu bà L1 viết lại giấy nợ và hẹn ngày trả số tiền 700.000.000 đồng của bà L. Khi đến nhà bà L1, thì có thấy bà H2 cũng đang viết giấy cam kết bắt bà L1 ký

trả nợ theo thời hạn. Bà L1 có nói bà N ra ghế đá ngồi đợi để làm việc xong với bà H2 rồi qua nói chuyện với bà L, bà N. Sau khi thống nhất lại số tiền, thời hạn trả nợ thì bà L1 đồng ý, khi bà L1 viết xong thỏa thuận thì bà L1 ký và lăn tay vào giấy nợ, đồng thời bà H cũng cam kết nếu như bà L1 không trả thì bà H sẽ là người trả nợ. Khi nói bà H ra ký thì bà L1 nói để bà L1 cầm vào nhà cho bà H ký, bà N tình cờ theo sau thì nhìn thấy bà L1 tự ký tên của bà H nên bà N lấy giấy nợ lại và yêu cầu bà L1 mời bà H ra bàn ghế đá ngồi nói chuyện và bà H đọc hết nội dung trong giấy nợ và ký tên, lăn tay, việc bà H ký tên, lăn tay là tự nguyện không có ai ép buộc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 335, khoản 2 Điều 336, khoản 1 Điều 342, Điều 365, Điều 385, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L đối với bà Hồ Thị Mỹ L1 và bà Trần Thị H về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Hồ Thị Mỹ L1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L tổng số tiền 862.680.000 đồng (tám trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), gồm: tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 162.680.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Trường hợp bà Hồ Thị Mỹ L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh L thì bà Trần Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L tổng số tiền 862.680.000 đồng (tám trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L đối với bà Hồ Thị Mỹ L1 và bà Trần Thị H về việc yêu cầu trả số tiền lãi chậm thanh toán là 12.320.000 đồng (mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi suất chậm trả, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 17/9/2023 bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; ngày 25/9/2023 bị đơn bà Trần Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị H là ông Phùng Văn H1:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả trả lời của các đương sự tại phần xét hỏi, trong vụ án này các đương sự đều thừa nhận nội dung cam kết trả phụ tiền trong giấy vay tiền ngày 15/3/2021 là của bà L1 cam kết và cũng chính bà L1 là người ghi nội dung này, các bên cũng thừa nhận giữa bà H và bà L, bà L1 không có bất cứ thỏa thuận bảo lãnh nào khác, đây là những tình tiết sự kiện các đương sự thừa nhận nên đề nghị Toà án áp dụng khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận.

Theo quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự thì bảo lãnh là việc bên bảo lãnh cam kết với bên nhận bảo lãnh thực hiện thay nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trong vụ án này, bà H hoàn toàn không có bất kỳ cam kết bảo lãnh nào đối với bà L về việc sẽ thực hiện thay nghĩa vụ trả số nợ 700.000.000 đồng mà bà L1 nợ bà L, việc bà H nói với bà L1 sẽ trả phụ là nghĩ tình mẹ con sẽ cho bà L1 tiền trả bớt nợ khi bà H có điều kiện không đồng nghĩa với việc bà H cam kết bảo lãnh trả nợ thay toàn bộ số nợ bà L1 nợ bà L.

Việc bà H ký và lăn tay vào giấy vay tiền ngày 15/3/2021 đúng như bà H trình bày là để những người chủ nợ đến nhà bà trong đó có bà L và bà H2 ra về để bà đỡ bị làm phiền, mặt khác chữ ký lăn tay của bà H nằm dưới mục người làm chứng và trước đó bà cũng đã ký một số giấy xác nhận nợ mà con bà xác nhận với các chủ nợ khác với vai trò ký làm chứng, Công an điều tra Công an tỉnh B cũng đã có nội dung trong Kết luận điều tra số 101 ngày 25/4/2023.

Từ những lý do trên có thể thấy bản án sơ thẩm buộc bà H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả thay cho bà L1 tổng số tiền 862.680.000 đồng là không phù hợp với bản chất vụ việc và tài liệu trong hồ sơ vụ án, chưa đúng với quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu kháng cáo của bà H là có cơ sở. Đề nghị toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định về số tiền vay, thời gian vay, giấy tờ xác lập thể hiện có sự việc xảy ra: Ngày 26/12/2020, bà L cho bà L1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà L1 thế chấp cho bà H2 vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn 15 ngày, có lập giấy vay bà L vay tiền bà H2. Ngày 15/3/2021, bà L, bà L1 và bà H2 đã lập lại giấy vay tiền, trong đó, xác nhận bà L1 vay tiền bà L 700.000.000 đồng, có thời hạn trả nợ và bà L1 cam kết " *Tôi cam kết nếu như tôi không trả đủ số tiền trên thì mẹ tôi sẽ là người trả phụ tôi số tiền*

này", có chữ ký xác nhận của bà H, có bà H2 ký xác nhận là người làm chứng. Tính đến nay, bà L1 chưa trả tiền cho bà L. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 15/3/2021 (bút lục 02) có cơ sở xác định bà H đã ký xác nhận nội dung bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay cho bà L1 trong trường hợp bà L1 không trả đủ số tiền vay. Bị đơn bà L1 và bà H cho rằng bà H ký xác nhận với tư cách là người làm chứng là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc bà H phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phù hợp quy định pháp luật; yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm thanh toán 12.320.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Bà L1, bà H không kháng cáo phần quyết định này của bản án, đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, nên phần quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2023, ngày 16/5/2023, nguyên đơn bà L yêu cầu bà L1, bà H liên đới trả nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi; tại phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 21/7/2023 và phiên tòa ngày 15/9/2023, nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà Liên thanh t nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 162.680.000 đồng, trường hợp bà L1 không trả đủ số tiền nợ cho bà L thì buộc bà H trả cho bà L toàn bộ số nợ.

- Bà L1 kháng cáo cho rằng, số tiền 700.000.000 đồng bà H2 chuyển khoản cho bà L1, thì bà L là người bảo lãnh và viết giấy nợ cho bà H2 vào ngày 26/12/2020, còn giấy nợ ngày 15/3/2021 là giấy nợ sau khi bà L1, bà H2 thương lượng bà H2 trao lại cho bà L1 nợ qua bà L nên giấy nợ ngày 15/3/2021 là giấy nợ kết thúc công nợ giữa bà L1 với bà H2, bà L, việc bà H ký tên vào giấy nợ ngày 15/3/2021 chỉ là người làm chứng (theo bản kết luận điều tra bổ sung), không đồng ý buộc bà H phải liên đới trả số nợ trên.

- Bà H kháng cáo cho rằng, bản án sơ thẩm tuyên không phù hợp với tình tiết thực tế, chưa phù hợp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

[2.1] Bà L yêu cầu bà L1 trả nợ gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi với mức 0,83%/tháng, tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2023 là 28 tháng với số tiền 162.680.000 đồng, tổng cộng 862.680.000 đồng. Trường hợp, bà L1 không trả đủ số tiền trên thì buộc bà H trả cho bà L số nợ 862.680.000 đồng.

Giấy vay tiền ngày 15/3/2021 có nội dung: *"Hôm nay ngày 15/3/2021, tôi Hồ Thị Mỹ L1 có vay của Nguyễn Thị Thanh L số tiền 700.000.000 đồng, tiền lấy cuốn sổ ngày 26/12/2020 cho bạn Nguyễn Thị Diệu H2, kể từ hôm nay tôi nợ L số tiền trên"*.

Xét, bà L, bà L1, bà H2 đều thống nhất trình bày: Bà L1 có vay bà H2 số tiền 700.000.000 đồng, bà L1 mượn giấy chứng nhận của bà L đưa cho bà H2 để làm tin, thời hạn vay là 15 ngày theo Giấy vay tiền ngày 26/12/2020. Đến thời hạn thanh toán, bà L1 không trả nợ. Đến ngày 15/3/2021, bà L, bà L1, bà H2 thống nhất lập lại giấy vay tiền, theo đó kể từ ngày 15/3/2021, khoản tiền 700.000.000 đồng mà bà L1 nợ bà H2 thì bà L trả nợ cho bà H2 và bà L1 nợ bà L 700.000.000 đồng, giấy vay tiền này có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà L, bà L1, bà H2 (người làm chứng). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà L1 thừa nhận có nợ bà L số tiền 700.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 15/3/2021, đồng ý trả nợ gốc, tiền lãi xin được miễn do khó khăn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 cho rằng sau ngày 15/3/2021 đã trả được 60.000.000 đồng tiền lãi cho bà L, bà H2, đề nghị trừ vào tiền gốc số tiền còn nợ lại 640.000.000 đồng. Tuy nhiên, trình bày của bà L1 không được bà L, bà H2 thừa nhận, ngoài trình bày thì bà L1 không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L1 trả 700.000.000 đồng cho bà L là có cơ sở.

[2.2] Về nội dung trong Giấy vay tiền ngày 15/3/2021, phía trên chữ ký họ tên, dấu lăn tay của bà H: *"Tôi cam kết nếu như tôi không trả đủ số tiền trên thì mẹ tôi sẽ là người trả phụ tôi số tiền trên"*:

Bà L1 thừa nhận dòng chữ trên do bà L1 viết; bà H thừa nhận có ký tên, lăn tay dưới dòng chữ trên, nhưng cho rằng bà H chỉ là người làm chứng theo kết luận của cơ quan điều tra. Qua xem xét các bản kết luận điều tra thì chỉ thể hiện bà H là người làm chứng cho các giấy vay tiền ngày 14/01/2021 giữa bà L1 với bà Nguyễn Thị Diệu H2, giấy vay tiền ngày 14/3/2021 giữa bà L1 với bà Phan Ngọc L2, giấy vay tiền ngày 07/02/2021 giữa bà L1 với bà Phạm Thị Ngọc N nên trình bày của bà L1, bà H là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 trình bày, thời điểm lập giấy do biết chắc bà L1 không có khả năng thanh toán nợ cho bà L2; bà L1 và người đại diện hợp pháp của bà H là ông H1 trình bày việc bà H ký và lăn tay vào giấy vay tiền ngày 15/3/2021 là để những người chủ nợ đến nhà bà H trong đó có bà L2 và bà H2 ra về để bà H đỡ bị làm phiền. Về giải thích từ "trả phụ" thì bà L2 cho rằng nếu bà L1 không trả được thì bà H phải trả thay bà L1; bà H cho rằng có bao nhiêu thì phụ trả chứ bà H không trả thay số nợ cho bà L1. Đối chiếu quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự về bảo lãnh thì dòng chữ do bà L1 viết *"Tôi cam kết nếu như tôi không trả đủ số tiền trên thì mẹ tôi sẽ*

là người trả phụ tôi số tiền trên" có bà H ký tên, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ về bảo lãnh của bà H đối với bà L1. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho bà L1 là không phù hợp quy định.

[2.3] Về tiền lãi: Nội dung của Giấy vay tiền ngày 15/3/2021 ghi: *"700.000.00 đồng chia trả: 02 tháng 300; 02 tháng sau trả 200; 01 tháng sau trả 200; có sớm thanh toán sớm thêm"*.

Bà L2 yêu cầu tính lãi từ ngày 15/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng; bà L1 xin được miễn trả tiền lãi do có khó khăn.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm bà L2, bà L1 thống nhất số tiền 700.000.000 đồng được trả theo phương thức: Ngày 15/5/2021: trả 300.000.000 đồng; ngày 15/7/2021 trả 200.000.000 đồng; ngày 15/8/2021 trả 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà L1 chưa thanh toán nợ gốc cho bà L2 theo thỏa thuận. Như vậy, từ ngày 15/5/2021, bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm tính thời hạn vi phạm từ ngày 15/5/2021, mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, nhưng cách tính lãi trên số nợ gốc chưa phù hợp cần điều chỉnh như sau:

Từ ngày 16/5/2/21 đến ngày xét xử phúc thẩm 30/11/2023: 300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng 14 ngày = 75.862.000 đồng.

Từ ngày 16/7/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm 30/11/2023: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 28 tháng 14 ngày = 47.254.666 đồng.

Từ ngày 16/8/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm 30/11/2023: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 27 tháng 14 ngày = 45.594.666 đồng.

Tổng cộng tiền lãi: 168.711.332 đồng.

[2.4] Đối với số tiền 700.000.000 đồng bà H2 cho bà L1 vay và bà L2 nhận trách nhiệm trả cho bà H2, thì bà L2 đã trả được 250.000.000 đồng, còn nợ bà H2 450.000.000 đồng và bà H2 giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L2; bà L2 và bà H2 không có tranh chấp trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ những phân tích trên, cần sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm bảo lãnh của bà H và tiền lãi, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà L1, bà H.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L1, bà Trần Thị H.

1.1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L.

Buộc bà Hồ Thị Mỹ L1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 168.711.332 đồng, tổng cộng 868.711.332 đồng (tám trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L về việc bà Hồ Thị Mỹ L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh L thì bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh L nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 168.711.332 đồng, tổng cộng 868.711.332 đồng (tám trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

1.2. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật, như sau:

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi của bà Nguyễn Thị Thanh L đối với bà Hồ Thị Mỹ L1 và bà Trần Thị H về việc yêu trả số tiền lãi chậm thanh toán 12.320.000 đồng (mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 19.050.000 đồng (mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), còn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh L tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.750.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0010172 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Hồ Thị Mỹ L1 phải chịu số tiền 38.061.339 (ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi chín đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho bà Hồ Thị Mỹ L1 và bà Trần Thị H, mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010371 ngày 25/9/2023 và 0010424 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng